

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN  
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF  
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner

/ IPA Partner Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ *Securities code*: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: 17/03/2026

7. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
<b>I.</b>	<b>Chứng khoán/Stock</b>	<b>1,255,050,000</b>	<b>96.46%</b>
1	ACB	2,100	3.78%
2	BID	100	0.31%
3	BSR	200	0.50%
4	BVH	100	0.55%
5	CII	300	0.39%
6	CMG	100	0.23%
7	CTG	600	1.57%
8	DBC	100	0.18%
9	DCM	100	0.34%
10	DGC	100	0.57%
11	DGW	100	0.33%
12	DIG	300	0.32%
13	DPM	200	0.47%
14	DXG	400	0.43%
15	EIB	700	1.20%
16	EVF	400	0.43%
17	FPT	700	4.21%
18	FRT	100	1.16%
19	GAS	100	0.68%
20	GEX	300	0.77%
21	GMD	200	1.14%

22	GVR	100	0.25%
23	HAG	300	0.35%
24	HCM	300	0.50%
25	HDB	1,900	3.74%
26	HDG	100	0.22%
27	HHV	200	0.19%
28	HPG	2,100	4.32%
29	HSG	200	0.22%
30	KBC	300	0.72%
31	KDH	400	0.81%
32	LPB	1,400	4.52%
33	MBB	2,000	4.01%
34	MSB	1,100	0.95%
35	MSN	400	2.26%
36	MWG	500	3.10%
37	NAB	700	0.69%
38	NKG	200	0.22%
39	NLG	200	0.43%
40	NVL	600	0.62%
41	OCB	400	0.33%
42	PCI	100	0.20%
43	PDR	300	0.36%
44	PLX	100	0.36%
45	PNJ	100	0.91%
46	POW	400	0.41%
47	PVD	100	0.29%
48	PVT	100	0.19%
49	REE	100	0.49%
50	SAB	100	0.34%
51	SHB	1,700	1.99%
52	SSB	700	0.89%
53	SSI	800	1.75%
54	STB	900	4.61%
55	TCB	1,900	4.41%
56	TCH	300	0.34%
57	TPB	700	0.86%
58	VCB	400	1.81%
59	VCG	200	0.36%
60	VCI	300	0.85%
61	VHM	600	4.61%
62	VIB	1,100	1.44%
63	VIC	900	10.01%
64	VIX	700	0.87%

3270  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

65	VJC	100	1.18%
66	VND	600	0.75%
67	VNM	400	1.90%
68	VPB	2,300	4.51%
69	VPL	100	0.59%
70	VRE	400	0.80%
71	VSC	200	0.39%
II.	Tiền/Cash (VND)	46,102,626	3.54%
III.	Tổng/Total	1,301,152,626	100.00%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

*Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:*

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) 1,255,050,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND) 1,301,152,626

Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND) 46,102,626

**Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:**

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	23,450	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	40,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	78,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	74,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	26,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	80,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	118,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	63,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	30,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	16,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	25,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	16,200	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

18  
FY  
ĐẦU  
NEF  
HÀ

**Dại diện tổ chức/Organization Representative**  
**Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có) / (Signature, full name and seal - if any))

